

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/ DSST
Ngày 12-9-2025
“V/v: Tranh chấp
hợp đồng dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Phạm Văn Rô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Văn Khánh
2. Ông Huỳnh Kim An

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm đặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 5- Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần đặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 05/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-DS ngày 19/6/2025; Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số 11/TB-TA ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1978.

Bà Vũ Thị Mai C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số D đường L, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Ông Nguyễn Ngọc L ủy quyền cho bà Vũ Thị Mai C theo giấy ủy quyền ngày 27/12/2024

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số D đường N, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số D đường N, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 08/9/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C trình bày:* Giữa vợ chồng ông L, bà C với vợ chồng ông Trần Văn N, bà Bùi Thị Thu T quen biết nhau, nên nhiều lần bà T, ông N có vay tiền của vợ chồng ông L, bà C. Cụ thể: Ngày 19/4/2021, bà T có đến gặp vợ chồng ông L, bà C vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 15/7/2021 bà T vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 01/10/2022 bà T vay số tiền 125.000.000 đồng. Tổng cộng bà T vay vợ chồng ông L, bà C là 425.000.000 đồng. Trong các lần vay, bản thân bà T là người trực tiếp viết giấy vay nợ giao cho chồng ông L, bà C. Trong các lần bà T vay, bà C là người giao tiền cho bà T. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 20%/ năm, tương đương 1,6666666667%/tháng; mục đích vay bà T trình bày là để lo công việc làm ăn, thời hạn vay hai bên thỏa thuận khi nào chồng ông L, bà C cần thì báo cho vợ chồng bà T và vợ chồng bà T sắp xếp trả nợ. Việc bà T vay mượn tiền của bà C, ông L thì bản thân ông N đều biết nhưng ông N thường xuyên đi công trình nên trong các giấy vay nợ chỉ có bà T trực tiếp nhận tiền và ký nhận nợ. Số tiền 425.000.000 đồng mà chồng ông L, bà C cho vợ chồng bà T, ông N vay là tiền chung vợ chồng.

Nhiều lần, bà C có tin nhắn yêu cầu bà T trả nợ, bà T có hứa nhưng không chịu trả nợ. Nay vợ chồng ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C yêu cầu vợ chồng bà T, ông N phải trả số tiền nợ gốc 425.000.000 đồng, tiền lãi 194.577.000 đồng (tạm tính đến ngày 27/5/2025). Tổng cộng 619.577.000 đồng.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, và tại phiên tòa, bà Vũ Thị Mai C có đơn xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung: Không yêu cầu bà Bùi Thị Thu T phải trả nợ gốc và lãi đối với khoản tiền vay 100.000.000 đồng vay ngày 19/5/2021, chỉ yêu cầu bà T trả nợ gốc và lãi đối với khoản vay 200.000.000 đồng, vay ngày 17/5/2021 và tiền gốc, lãi đối với khoản vay 125.000.000 đồng vay ngày 01/10/2021. Tổng cộng 325.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Cụ thể:

- Khoản vay ngày 17/5/2021 đến ngày 12/9/2025 tiền lãi: $200.000.000 \times 1,6666666667\% \times 51 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 172.777.812 \text{ đồng}$.

- Khoản vay ngày 01/10/2022 số tiền 125.000.000 đồng đến ngày 12/9/2025 tiền lãi: $125.000.000 \times 1,6666666667\% \times 35 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 73.749.999 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi: 246.527.811 đồng.

Tại phiên Tòa, bà Vũ Thị Mai C thay đổi một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Bùi Thu T1 Thủy trả cho bà C số tiền lãi 175.000.000 đồng.

Bà Vũ Thị Mai C rút yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc ông Trần Văn N có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C.

**Bị đơn:* Tại bản *bản tự khai* ngày 27/5/2025, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/9/2025, bà *Bùi Thị Thu T* trình bày: giữa bà *Bùi Thị Thu T* với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C là chỗ quen biết, nên nhiều lần bà T có vay tiền của vợ chồng L, C với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Từ ngày 19/4/2021 đến ngày 01/10/2022, bà T không trả đủ số tiền trả lãi 232.000.000 đồng nên bà C có yêu cầu bà T ký số tiền lãi này sang tiền gốc và bà T đã ký tiếp giấy vay gốc vào ngày 01/10/2022 cho bà C với số tiền 125.000.000 đồng số tiền còn lại bà T trả lãi 107.000.000 đồng. Đến ngày 32/01/2024, bà T trả cho bà C 100.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Bà *Bùi Thị Thu T* thừa nhận, hiện nay bà T còn nợ bà C, ông L và đồng ý trả cho bà C, ông L số tiền nợ gốc 325.000.000 đồng, và có nguyện vọng xin bà C, ông L giảm 50% số tiền lãi. Số tiền nợ trên, bà T tự ý vay chi tiêu cho cá nhân, chồng bà T là ông Trần Văn N không có vay và cũng không biết số tiền này.

**Tại bản tự khai ngày 19/12/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N khai:* Việc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C khởi kiện yêu cầu ông N, bà T trả nợ gốc 425.000.000 đồng và tiền lãi, ông N không đồng ý, vì ông N không vay tiền của ông L, bà C và cũng không biết số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà *Bùi Thị Thu T* có địa chỉ tại Số D đường N, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 -Quảng Ngãi (Trước là TAND huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn bà *Bùi Thị Thu T* có đơn xin xét xử vắng mặt vắng mặt, ông Trần Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 12 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung:

Bà Vũ Thị Mai C, ông Nguyễn Ngọc L cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính “Giấy mượn tiền đứng tên *Bùi Thị Thu T* đề các ngày 06/6AL (2021), ngày

17/5/2021; 01 - 10- 2022DL; (bản chính)” có chữ ký người mượn tiền là Bùi Thị Thu T.

Bà Bùi Thị Thu T thừa nhận hiện nay còn nợ bà C, ông L số tiền nợ gốc là 315.000.000 đồng; số tiền nợ lãi bà Bùi Thị Thu T xin ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C giảm cho 50%.

[4] Theo giấy Giấy mượn tiền đứng tên Bùi Thị Thu T đề các ngày 06/6AL (2021), 17/5/2021DL số tiền 200.000.000 đồng; ngày 01 - 10- 2022DL số tiền 125.000.000 đồng; 17/5/2021 (bản chính). Tổng cộng 02 khoản là 325.000.000 đồng và hứa sẽ trả nhưng đến hạn bà Bùi Thị Thu T chưa trả nợ. Do đó, căn cứ các điều 280, 463, 466, của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bà Bùi Thị Thu T phải trả số tiền nợ gốc 325.000.000 đồng cho bà Vũ Thị Mai C, ông Nguyễn Ngọc L là có cơ sở và đảm bảo quy định của pháp luật.

Đối với với khoản tiền vay 100.000.000 đồng vay ngày 19/5/2021, ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C không yêu cầu bà T trả nợ vì bà C, ông L thừa nhận số tiền này bà T đã trả nợ gốc và lãi vào ngày 31/01/2024 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tiền lãi và lãi suất: Tại các giấy mượn tiền ngày 06/6AL (2021), ngày 17/5/2021; 01 - 10- 2022DL mặc dù không có ghi lãi suất. Tuy nhiên, tại biên bản tự khai ngày 19/12/2024, bà Bùi Thị Thu T thừa nhận, giữa bà T với ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C có thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng. Trong khi bà C, ông L trình bày lãi suất thỏa thuận giữa ông L, bà C với bà T là 20%/ năm là thấp hơn mức lãi suất bà T thừa nhận nên bà C, ông L yêu cầu bà T trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/ năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể:

- Khoản vay ngày 17/5/2021 số tiền 200.000.000 đồng đến ngày 12/9/2025 là 51 tháng 25 ngày, tiền lãi: $200.000.000 \times 1,666666667\% \times 51 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 172.777.812 \text{ đồng}$.

- Khoản vay ngày 01/10/2022 số tiền 125.000.000 đồng đến ngày 12/9/2025 là 35 tháng 12 ngày, tiền lãi: $125.000.000 \times 1,666666667\% \times 35 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} = 73.749.999 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi: 246.527.811 đồng. Tuy nhiên, tại phiên Tòa, bà Vũ Thị Mai C không đồng ý giảm tiền nợ lãi 50% cho bà Bùi Thị Thu T mà chỉ đồng ý giảm cho bà T 71.527.811 đồng tiền lãi, bà T còn phải trả cho bà Vũ Thị Mai C số tiền lãi 175.000.000 đồng.

Như vậy số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi bà Bùi Thị Thu T phải trả cho ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C là 325.000.000 đồng + 175.000.000 đồng = 500.000.000 đồng.

[6] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn N phải trả nợ cho ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 24.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L và bà Vũ Thị Mai C.

Buộc bà Bùi Thị Thu T phải trả cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Vũ Thị Mai C số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Trong đó nợ gốc 325.000.000 đồng, nợ lãi 175.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn N phải trả nợ cho ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Thu T phải chịu 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc L, bà Vũ Thị Mai C 15.718.000đ (mười lăm triệu, bảy trăm mười tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004118 ngày 11/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Quảng Ngãi).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Vũ Thị Mai C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Thị Thu T, ông Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 5 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Rô

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Từ Văn Khánh Huỳnh Kim An

Phạm Văn Rô